

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Số: 196/QĐ-UEF

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 6 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật Kinh tế

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 1272/QĐ-TTg ngày 24 tháng 09 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường ĐH Kinh tế - Tài chính Tp.HCM;

Xét đề nghị của Trường Phòng Đào tạo – Khảo thí,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chương trình giáo dục ngành Luật Kinh tế, trình độ đại học, áp dụng cho K2015 thuộc Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Trường Phòng Đào tạo – Khảo thí, Trường các đơn vị chức năng trực thuộc Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Tp.HCM chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Công bố trên trang Thông tin điện tử;
- Như điều 2 (để t/h);
- Lưu: P.TC-HC, P ĐT-KT.



Nguyễn Thanh Giang

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 136/QĐ - UEF ngày 16/6/2015
của Hiệu trưởng Trường đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM)

Tên chương trình: *Chương trình Cử nhân*

Trình độ đào tạo: *Đại học*

Ngành đào tạo: *Luật kinh tế*

I. Mục tiêu đào tạo

Chương trình được thiết kế nhằm đào tạo cử nhân đại học luật kinh tế có nhân cách, đạo đức và sức khoẻ tốt; Nắm vững những kiến thức cơ bản về pháp luật, thực tiễn pháp lý ở Việt Nam và những kiến thức về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội có liên quan đến lãnh vực pháp luật quốc tế, trên cơ sở kiến thức về kinh tế. Sinh viên tốt nghiệp ngành Luật kinh tế có thể làm việc ở các doanh nghiệp, chính phủ hay tổ chức nghiên cứu và tư vấn.

II. Chuẩn đầu ra

1. Kiến thức

- Đào tạo cử nhân Luật có kiến thức chuyên sâu về Luật kinh tế trong môi trường kinh tế thị trường, có kiến thức để vận dụng các quy định của pháp luật trong hoạt động doanh nghiệp.
- Nhận biết được các cơ hội và thách thức trong hoạt động hành nghề Luật của doanh nghiệp.

2. Kỹ năng

- Có các kỹ năng cần thiết để phân tích và nhận diện hoạt động chủ yếu và chi tiết của ngành Luật Kinh tế trong hoạt động của các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực.
- Có các kỹ năng cần thiết để thực hiện việc áp dụng pháp luật
- Có khả năng làm việc dưới áp lực cao trong môi trường kinh doanh năng động.
- Có kỹ năng nghiên cứu, cập nhật, kỹ năng làm việc nhóm.
- Có các kỹ năng cần thiết để hỗ trợ trong quá trình làm việc sau khi ra trường.

3. Thái độ

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân.
- Có thái độ học tập và làm việc nghiêm túc.
- Có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn.
- Tinh thần làm việc hợp tác.
- Tích cực tham gia, sẵn sàng làm việc trong môi trường áp lực cao.
- Cầu tiến, thiện ý học hỏi.

4. Vị trí công việc có khả năng đảm nhận

- Sinh viên chuyên ngành Luật Kinh tế sau khi tốt nghiệp sẽ có khả năng giải quyết các vấn đề về Pháp luật quy định cụ thể cho hoạt động của cá nhân và của doanh nghiệp như : Bảo

vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia vào các hoạt động pháp lý trong lĩnh vực kinh tế, kịp thời cập nhật, cổ vấn, thực hiện các công tác pháp lý theo đúng các quy định của pháp luật trong lĩnh vực kinh doanh.

- Sinh viên tốt nghiệp có thể làm việc tại các doanh nghiệp trong nước, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các hiệp hội ngành nghề cũng như các tổ chức nghiên cứu sâu về Luật kinh tế.

5. Chuẩn đầu ra tiếng Anh và tin học:

Để được công nhận tốt nghiệp, sinh viên cần trình các loại chứng chỉ sau:

- Chứng chỉ B tin học
- Chứng chỉ chứng nhận trình độ tiếng Anh tương đương B1-UEF (theo khung Châu Âu) hoặc chứng chỉ quốc tế tương đương IELTS 5.5.

III. Thời gian đào tạo:

Thời gian đào tạo trung bình là 4 năm.

Thời gian đào tạo tối đa được thực hiện theo quy chế đào tạo.

IV. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

Khối lượng kiến thức toàn khóa là **124 tín chỉ** (chưa bao gồm Tiếng Anh, Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng).

V. Đối tượng tuyển sinh:

Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính qui của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

VI. Chương trình đào tạo:

STT	Mã MH	Tên học phần	Số tín chỉ				Mã môn học trước
			Tổng	LT	TH/TT	ĐA MH	
I.KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG							
I.1. Khoa học			15				
I.1.01	MAT1103	Toán cao cấp	3	3			
I.1.02	SOC1101	Xã hội học	3	3			
I.1.03	PHI1101	Logic học	3	3			
I.1.04	MGT1101	Quản trị học	3	3			
I.1.05	PSY1101	Tâm lý học	3	3			
I.2. Ngoại ngữ			24				
I.2.01	ENG1101	Tiếng Anh 1	3	3			
I.2.02	ENG1102	Tiếng Anh 2	3	3			
I.2.03	ENG1103	Tiếng Anh 3	3	3			
I.2.04	ENG1104	Tiếng Anh 4	3	3			
I.2.05	ENG1105	Tiếng Anh 5	3	3			
I.2.06	ENG1106	Tiếng Anh 6	3	3			
I.2.07	ENG1107	Tiếng Anh 7	3	3			
I.2.08	ENG1108	Tiếng Anh 8	3	3			
I.3. Tin học			3				

I.3.01	ITE1201	Tin học đại cương	3	2	1		
I.4. Luật			3				
I.4.01	LAW1101	Pháp luật đại cương	3	3			
I.5. Chính trị			10				
I.5.01	POL1101	Những nguyên lý cơ bản CN Mac- Lê nin 1	2	2			
I.5.02	POL1102	Những nguyên lý cơ bản CN Mac- Lê nin 2	3	3			
I.5.03	POL1103	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	3			
I.5.04	POL1104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2			
I.6. Kỹ năng			9				
I.6.01	SKI1101	Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và làm việc nhóm	3	3			
I.6.02	SKI1102	Kỹ năng tư duy phản biện, giải quyết vấn đề và quản lý thời gian	3	3			
I.6.03	SKI1103	Khởi nghiệp	3	3			
TỔNG KHỐI GDĐC			64				
II.KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH							
II.1. Kiến thức bắt buộc			72				
II.1.01	ECO1101	Kinh tế vi mô	3	3			
II.1.02	ECO1102	Kinh tế vĩ mô	3	3			
II.1.03	LAW1104	Luật Hành chính	3	3			
II.1.04	LAW1103	Những vấn đề chung về luật Dân sự	3	3			
II.1.05	LAW1108	Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	3	3			
II.1.06	LAW1102	Luật hiến pháp Việt Nam	3	3			
II.1.07	LAW1105	Pháp luật tài sản và quyền sở hữu	3	3			
II.1.08	LAW1109	Luật Hình sự	3	3			
II.1.09	LAW1106	Luật hợp đồng	3	3			
II.1.10	LAW1110	Luật Môi trường	3	3			
II.1.11	LAW1113	Luật lao động	3	3			
II.1.12	LAW1111	Luật thương mại	3	3			
II.1.13	LAW1118	Luật cạnh tranh	3	3			
II.1.14	LAW1114	Luật Đất đai	3	3			
II.1.15	LAW1112	Luật Tố tụng Dân sự	3	3			
II.1.16	LAW1115	Luật Tố tụng hình sự	3	3			
II.1.17	LAW1119	Luật sở hữu trí tuệ	3	3			
II.1.18	LAW1117	Luật thuế	3	3			
II.1.19	LAW1107	Pháp luật về doanh nghiệp	3	3			
II.1.20	LAW1116	Luật Quốc tế	3	3			
II.1.21	LAW1331	Thực tập tốt nghiệp	6		6		
II.1.22		Sinh viên chọn 1 trong 2 hình thức:	6			6	
II.1.22.01	LAW1432	Chuyên đề tốt nghiệp					
II.1.22.02	LAW1433	Khóa luận tốt nghiệp					
II.2.Kiến thức tự chọn			12				
<i>Sinh viên chọn một trong các nhóm dưới đây</i>							
II.2.1		Nhóm 1: Luật Kinh doanh					
II.2.1.1	LAW1120	Pháp luật phá sản và giải quyết tranh chấp	3	3			
II.2.1.2	LAW1121	Kỹ thuật đàm phán và soạn thảo hợp đồng	3	3			

II.2.1.3	LAW1122	Luật kinh doanh bảo hiểm	3	3			
II.2.1.4	LAW1127	Pháp luật kinh doanh bất động sản	3	3			
II.2.2		Nhóm 2: Luật Thương mại quốc tế.					
II.2.2.1	LAW1124	Tư pháp quốc tế	3	3			
II.2.2.2	LAW1126	Luật WTO	3	3			
II.2.2.3	LAW1125	Luật Hợp đồng thương mại quốc tế	3	3			
II.2.2.4	LAW1123	Luật Hàng hải	3	3			
		TỔNG KHỐI GDCN	84				
		III. KIẾN THỨC KHÔNG TÍCH LŨY	13				
III.01		Giáo dục thể chất	5		5		
III.02		Giáo dục quốc phòng	8	5	3		

HIỆU TRƯỞNG *Thanh*



TS. Nguyễn Thanh Giang